TỈNH ỦY KHÁNH HÒA	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*	*Khánh Hòa, ngày 14 tháng 7 năm 2025*
Số 01-NQ/TU	

NGHỊ QUYẾT
về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 - 2030

Bám sát các chủ trương, định hướng của Trung ương, Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 25/NQ-CP, ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đề ra mục tiêu thập niên nâng tầm phát triển, tăng trưởng liên tục 02 con số trong giai đoạn phát triển mới.

Qua đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, cho thấy: trong những năm gần đây, kinh tế tỉnh Khánh Hoà tiếp tục tăng trưởng, thuộc nhóm tăng trưởng cao trên cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng cân bằng, đa dạng hóa các động lực tăng trưởng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được đẩy mạnh đầu tư đồng bộ, hiện đại, đảm bảo tính kết nối cao. Hợp tác, liên kết vùng được tăng cường; hiệu quả thu hút và sử dụng các nguồn lực được nâng cao; công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị và hành chính công cấp tỉnh có sự chuyển biến tích cực, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển. Chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề được nâng lên, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số được quan tâm; công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa được tăng cường.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế của tỉnh chưa thực sự tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương và thiếu bền vững, chưa biến "lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh". Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, công tác thu hút đầu tư các dự án mới có tính lan toả còn ít. Phát triển doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ. Công nghiệp chưa đóng vai trò trụ cột dẫn dắt tăng trưởng kinh tế bền vững, thiếu động lực tăng trưởng mới. Phân bổ đầu tư công còn tình trạng dàn trải, manh mún. Hoạt động khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo chưa có đột phá để tạo động

lực phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; một bộ phận cán bộ, kể cả lãnh đạo chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên, nhưng chủ yếu là do: Các động lực tăng trưởng truyền thống xu hướng chậm lại, các động lực tăng trưởng mới kích hoạt chưa nhiều. Các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai chưa được khai thác tối ưu hiệu quả. Định hướng chiến lược phát triển công nghiệp chưa rõ nét; thiếu giải pháp tổng thể phát triển công nghiệp. Tỷ lệ ngân sách đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đầu tư vào các công trình, dự án tạo dòng tiền dương, có tính lan toả còn thấp. Nguồn lực dành cho đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực còn ít. Chưa có chính sách thu hút nhân tài đủ mạnh tuyển dụng nhân lực chất lượng cao. Công tác theo dõi, đôn đốc đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thường xuyên, chưa đúng thực chất. Chưa thực hiện kịp thời, liên thông giữa kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ với bố trí, điều chuyển sắp xếp lại cán bộ.

Nhằm hiện thực hoá mục tiêu "Nâng tầm phát triển, tăng trưởng kinh tế hai con số, là cực tăng trưởng cao của cả nước, nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc", Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về tăng trưởng kinh tế hai con số tỉnh giai đoạn 2025 - 2030, như sau:

A. PHẦN THỨ NHẤT

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tận dụng không gian phát triển mới, khai thác tối đa mọi tiềm năng, cơ hội nổi trội, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực, tạo động lực cho phát triển. Đổi mới trong huy động, phân bổ, sử dụng, phát huy các nguồn lực và kích hoạt những động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển nhanh và bền vững, toàn diện, bao trùm, hiệu quả, bảo đảm sự hài hòa, gắn kết giữa phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Giải quyết Ba điểm nghẽn về: (1) Hạ tầng chiến lược; (2) Chất lượng nguồn nhân lực; (3) Các công trình dự án, vụ việc, vụ án tồn đọng kéo dài.

4. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Chuyển hẳn từ tư duy hành chính sang tư duy phục vụ. Lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả.

5. Phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá. Tránh khuynh hướng trông chờ, ỷ lại và khuynh hướng an phận, sợ trách nhiệm, sợ sai; chủ động linh hoạt trong mọi tình huống, không mất tự tin khi gặp khó khăn, không quá lạc quan khi có điều kiện thuận lợi.

6. Chú trọng phát triển văn hóa, xây dựng Khánh Hoà là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc.

7. Tăng cường nguồn lực đầu tư bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Xây dựng và phát triển đặc khu Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước; là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu đến năm 2030

1.1. Khánh Hòa sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương - là một cực tăng trưởng cao của cả nước. Nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc.

1.2. Thập niên nâng tầm phát triển, tăng trưởng hàng năm liên tục đạt 2 con số về: tăng trưởng GRDP; thu ngân sách; thu nhập bình quân đầu người.

1.3. Nằm trong 10 tỉnh, thành phố thu ngân sách nội địa cao nhất; 10 tỉnh, thành phố có thu nhập bình quân đầu người cao nhất.

1.4. Nằm trong 10 tỉnh, thành phố có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) cao nhất.

1.5. Nằm trong 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) và chỉ số xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI).

1.6. Kinh tế số đóng góp 35% GRDP của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tập trung Bốn trụ cột động lực tăng trưởng kinh tế: (1) Công nghiệp; (2) Năng lượng; (3) Du lịch, Dịch vụ; (4) Đô thị, Xây dựng.

2.2. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

2.3. Khơi thông Ba điểm nghẽn, nút thắt: (1) Hoàn thiện đồng bộ hạ tầng chiến lược; (2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (3) tập trung xử lý các công trình, dự án tồn động kéo dài.

2.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công.

B. PHẦN THỨ HAI

I- BỐN TRỤ CỘT ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Công nghiệp

1.1. Mục tiêu

(i) Xác định phát triển công nghiệp là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; gia tăng nguồn thu ngân sách lâu dài, đảm bảo nguồn thu bền vững; giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của người dân.

(ii) Tốc độ phát triển công nghiệp của tỉnh bình quân tăng từ 15% - 20%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030.

(iii) Đến năm 2030 đưa vào khai thác 3.000 hecta đất công nghiệp mới (bao gồm diện tích công nghiệp đã có trong quy hoạch và diện tích đề xuất bổ sung).

(iv) Khánh Hòa trở thành một trong các trung tâm công nghiệp bán dẫn, công nghiệp trí tuệ nhân tạo AI, trung tâm dữ liệu quốc gia, khu vực.

1.2. Định hướng

(1) Lĩnh vực, ngành nghề thu hút đầu tư thân thiện với môi trường, theo thứ tự ưu tiên sau:

- Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Công nghệ thông tin; công nghệ số; đổi mới sáng tạo; công nghệ sinh học; điện tử; bán dẫn; công nghệ đại dương.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Công nghiệp hỗ trợ.

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

- Chế biến nông sản (từ sản phẩm thế mạnh của tỉnh).

- Công nghệ môi trường, xử lý nước, nước thải, rác thải...

- Các lĩnh vực, ngành nghề khác có tiềm năng số tiền nộp ngân sách trên cùng diện tích đất tương đương với các lĩnh vực ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư trên.

(2) Thu hút được nhà đầu tư phát triển khu công nghiệp chiến lược (nằm trong 10 nhà đầu tư khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam) theo thứ tự ưu tiên sau:

(2.1) Năng lực, kinh nghiệm thành công.

(2.2) Năng lực triển khai dự án

(3) Định hướng vùng hấp dẫn thu hút thành công nhà đầu tư khu công nghiệp chiến lược:

- Có vị trí địa kinh tế, tối ưu về hiệu quả phát triển khu công nghiệp.

- Ưu thế trong thu hút nguồn nhân lực, nhất là lao động có tay nghề, nhân lực chất lượng cao.

- Nằm trong vùng động lực phát triển nhanh.

(4) Vị trí Khu công nghiệp theo thứ tự thu hút đầu tư:

- KCN Ninh Xuân.

- KCN Ninh Diêm 1,2,3.

- KCN Cà Ná.

- KCN Cam Ranh.

- Các khu công nghiệp khác có hiệu quả kinh tế - xã hội.

(5) Định hướng thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) từ các nước:

- Hàn Quốc.

- Nhật Bản.

- Singapore.

- Trung Quốc.

- Đài Loan (Trung Quốc).

- Hồng Kông (Trung Quốc).

- Một số quốc gia tiềm năng khác.

1.3. Nhiệm vụ, giải pháp

(i) Ban hành chính sách lựa chọn, ưu tiên các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư vào khu công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ, khả năng đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh.

(ii) Cân đối bố trí một phần nguồn ngân sách tăng thêm để sử dụng vào đầu tư cho công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch các dự án khu công nghiệp đã được phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền ngân sách, phù hợp với qui định của pháp luật để thu hút nhà đầu tư khu công nghiệp chiến lược, sớm

đưa các dự án khu công nghiệp đi vào hoạt động, đóng góp cho phát triển kinh tế địa phương.

(iii) Thành lập Ban xúc tiến đầu tư cấp tỉnh. Tập trung cấp độ cao nhất cho công tác thu hút đầu tư các doanh nghiệp trong tỉnh, trong nước và doanh nghiệp nước ngoài đầu tư, đặt nhà máy sản xuất kinh doanh vào các lĩnh vực thu hút đầu tư tại các khu công nghiệp tỉnh.

(iv) Thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực, quan tâm nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp công nghệ cao. Ban hành chính sách hỗ trợ các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động. Thiết lập các chương trình hợp tác giữa chính quyền cấp tỉnh, cấp địa phương với các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, trung học nghề trong đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho lực lượng lao động cung ứng cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

(v) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút giới thiệu các chuyên gia nước ngoài, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là lĩnh vực khoa học công nghệ, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vào làm việc tại tỉnh.

2. Năng lượng

2.1. Mục tiêu

(i) Xác định phát triển năng lượng là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách.

(ii) Tốc độ phát triển ngành năng lượng của tỉnh bình quân tăng 20%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030.

(iii) Đến năm 2030 đưa vào khai thác vận hành 14.000 MW, trong đó giai đoạn 2025 - 2030 đưa vào khai thác 8.200 MW, trong đó: 2.300 MW điện mặt trời tập trung; 1.800 MW điện năng lượng gió trên bờ; 1.500 MW điện khí LNG; 2.400 MW thủy điện tích năng và các loại điện khác.

(iv) Phát triển Khánh Hòa trở thành trung tâm năng lượng điện Quốc gia.

2.2. Định hướng

(1) Lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư theo thứ tự sau:

- Điện mặt trời.

- Điện gió.

- Điện khí LNG.

- Điện hạt nhân.

- Các ngành nghề khác.

(2) Thu hút được nhà đầu tư chiến lược trong nước và quốc tế có năng lực triển khai dự án.

(2.1) Năng lực, kinh nghiệm thành công.

(2.2) Năng lực triển khai dự án

(3) Định hướng vùng, vị trí:

- Xã Vĩnh Hải, xã Phước Dinh và khu vực lân cận (điện Hạt Nhân).

- Xã Thuận Nam, Thuận Bắc và khu vực lân cận (điện mặt trời, điện gió, LNG).

- Khu Vân Phong Khánh Hoà (LNG).

- Xã Bác Ái, Ninh Sơn và khu vực lân cận (điện tích năng).

- Các khu vực khác theo Quy hoạch điện VIII phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp

(i) Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, địa phương về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của người dân, của địa phương và của đất nước về phát triển các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. Vận động tạo sự đồng thuận của người dân trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án, đồng thời quan tâm giải quyết chế độ, chính sách lợi ích tối đa cho người dân trong thẩm quyền và qui định của pháp luật.

(ii) Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị hạ tầng để Trung ương triển khai thực hiện dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, phấn đấu hoàn thành và đưa vào vận hành theo đúng kế hoạch của Trung ương.

(iii) Tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng truyền tải, kết nối lưới điện quốc gia với hệ thống trạm 500 kV, 220 kV.

(iv) Xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi theo thẩm quyền trong thu hút nhà đầu tư vào năng lượng.

(v) Quan tâm thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và tăng cường hợp tác quốc tế. Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về năng lượng tái tạo để phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cơ quan nhà nước tại địa phương am hiểu chuyên môn về lĩnh vực năng lượng.

3. Du lịch, Dịch vụ

3.1. Mục tiêu

(i) Ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy các trụ cột kinh tế khác cùng phát triển, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm và nâng cao đời sống người dân.

(ii) Tăng trưởng khách du lịch hàng năm 15%. Tổng lượt khách: 20,5 triệu lượt, trong đó khách quốc tế 10,5 triệu lượt vào năm 2030.

(iii) Có 100.000 phòng lưu trú du lịch, trong đó khoảng 75% phòng có quy mô đạt chuẩn chất lượng từ 3 - 5 sao.

(iv) Tạo việc làm cho trên 300.000 lao động trực tiếp và gián tiếp trong ngành du lịch.

(v) Tỷ trọng đóng góp trong GRDP 15%.

(vi) Đóng góp vào thu ngân sách 20%.

3.2. Định hướng

(1) Phát triển du lịch theo ngành:

- Ưu tiên phát triển du lịch theo định hướng hiện đại, chất lượng, xây dựng uy tín thương hiệu. Đồng thời, xử lý những bất cập trong cơ cấu thị trường khách du lịch và phân bổ sản phẩm du lịch, đặc biệt là thực trạng mất cân đối cung cầu và quy hoạch không gian phát triển.

- Tập trung phát triển du lịch theo ngành gồm: Du lịch biển, đảo, du lịch hội nghị, hội thảo, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe, du lịch di sản văn hóa, du lịch tâm linh gắn với bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa.

- Phát triển du lịch bền vững, song song với trách nhiệm bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa dân tộc; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa tất cả các ngành kinh tế, xã hội và tính liên vùng giữa các địa bàn trong tỉnh.

- Liên kết với các địa phương trong khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, các vùng du lịch trọng điểm để phối hợp khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh chung nhằm phục vụ phát triển du lịch.

- Quản lý, khai thác và phát huy thế mạnh tiềm năng du lịch biển, đảo, xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Xây dựng, quảng bá sản phẩm biểu tượng của Khánh Hoà: Yến Sào, Trầm Hương...

(2) Định vị vùng du lịch

- Nha Trang, Vĩnh Hy: Du lịch biển và khám phá các di tích lịch sử Quốc gia.

- Bắc Vân Phong là đô thị du lịch biển đẳng cấp quốc tế.

- Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, Khu du lịch Ninh Chử hướng thành khu du lịch quốc gia;

- Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, Vườn Quốc gia Phước Bình; du lịch trải nghiệm đồi cát Nam Cương, Mũi Dinh.

- Phát triển du lịch sinh thái thiên nhiên Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, hồ Tân Giang, hồ Sông Trâu, hồ Sông Sắt và du lịch thăm quan vườn nho Ninh Phước; du lịch điện gió Thuận Bắc.

(3) Phát triển thị trường:

Nhóm 1: Thị trường cốt lõi (thị trường nền tảng, cần ưu tiên ngay) đang hiện hữu tại Khánh Hòa hoặc thị trường có thể mở rộng quy mô nhanh chóng bằng chương trình xúc tiến hiệu quả.

Nhóm 2: Thị trường tăng trưởng (thị trường mới, có tiềm năng cao, lộ trình ngắn hạn) như Đức, Vương quốc Anh, Pháp, Úc, các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), Vương quốc Ả Rập Xê Út.

Nhóm 3: Thị trường kỳ vọng (phát triển theo lộ trình dài hạn) như Bắc Âu, Indonesia, Philippines, Qatar, Đông Âu - Cộng hòa Séc, Ba Lan.

3.3. Nhiệm vụ, giải pháp

(i) Sớm hoàn thành phê duyệt triển khai chiến lược phát triển Du lịch tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2025 - 2030; tầm nhìn đến năm 2045.

(ii) Ban hành Chính sách phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

(iii) Ban hành sớm Đề án chuyển đổi số ngành du lịch; chương trình tổng thể về quảng bá, xúc tiến du lịch Khánh Hoà tại thị trường trong nước và quốc tế.

(iv) Quan tâm cân đối dành đủ nguồn lực tài chính cần thiết đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào phát triển du lịch giá trị, bền vững.

(v) Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư du lịch; thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về du lịch.

(vi) Cơ cấu lại ngành du lịch chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, bền vững được đặt lên hàng đầu. Thúc đẩy thị trường nội địa, đồng thời với đa

dạng hoá, khai thác hiệu quả thị trường nguồn khách quốc tế lớn, chú trọng thị trường có khả năng chi trả cao.

(vi) Xây dựng kế hoạch hợp tác với một số đối tác truyền thông trong nước và quốc tế lớn, để xây dựng chương trình tuyên truyền, quảng bá tổng thể du lịch Khánh Hoà trên các kênh truyền thông này.

(Vii) Quan tâm hỗ trợ các trường đào tạo nguồn nhân lực du lịch bài bản, cung cấp trải nghiệm cho du khách trong nước và quốc tế, giúp nâng cao uy tín thương hiệu của tỉnh và hỗ trợ chiến lược phát triển bền vững.

(Viii) Hình thành các trung tâm thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; các tuyến phố thương mại, tài chính, du lịch đêm.

(ix) Phát triển dịch vụ logistics thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Phát triển các cảng tổng hợp, chuyên dùng cho tàu biển trọng tải lớn; các dịch vụ logistics chất lượng cao có khả năng kết nối với các trung tâm logistics trong và ngoài nước. Phát triển cảng biển Khánh Hòa theo quy hoạch là cảng biển loại I gồm các khu bến có quy mô lớn như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng đặc khu Trường Sa.

(xiii) Phát triển các ngành dịch vụ cung cấp đầu vào và sử dụng đầu ra của ngành dịch vụ vận tải và dịch vụ logistics, trong đó ưu tiên phát triển các dịch vụ phục vụ cho vận tải biển và các dịch vụ khác như e-logistics, thương mại điện tử, dịch vụ tài chính - ngân hàng; ưu tiên phát triển dịch vụ gắn với thương mại hàng hóa, xuất - nhập khẩu và các dịch vụ đi kèm.

(xiv) Đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và xây dựng mới Cảng hàng không Vân Phong; đầu tư Cảng hàng không Thành Sơn; phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa, Khu bến Cà Ná và Ninh Chử là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I, tạo tiền đề để khu bến Vân Phong phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế; có bến cảng tổng hợp, container, bến cảng khách quốc tế.

4. Đô thị, xây dựng

4.1. Mục tiêu

(i) Phát triển đô thị, xây dựng góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

(ii) Phát triển đô thị đạt mục tiêu kép: Mở rộng khu vực đô thị, tạo cảnh quan đô thị đẹp, văn minh và gia tăng nguồn thu ngân sách.

(iii) Xây dựng Khánh Hòa là đô thị văn minh hướng tới sự phát triển bền vững, hiện đại, hài hòa giữa con người, môi trường và kinh tế.

(iv) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%.

4.2. Định hướng

(1) Định hướng phát triển.

- Phát triển đô thị theo mô hình mạng lưới, xanh, thông minh và bền vững; có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt.

- Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, bền vững. Quản lý chặt chẽ việc cấp chủ trương đầu tư mới đối với các dự án phát triển nhà ở thương mại tại các khu đô thị tiềm ẩn cung vượt cầu.

(2) Định vị đô thị

- Phường Nha Trang và khu vực lân cận là đô thị hạt nhân.

- Phường Phan Rang và khu vực lân cận là đô thị hạt nhân Nam Khánh Hòa.

- Phường Cam Ranh và khu vực lân cận là đô thị du lịch - logistics.

- Xã Cam Lâm và khu vực lân cận trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

- Xã Vạn Ninh và khu vực lân cận trở thành đô thị du lịch biển cao cấp.

- Phường Ninh Hòa, xã Cà Ná và khu vực lân cận là đô thị công nghiệp.

- Xã Diên Khánh và khu vực lân cận là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống.

(3) Tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn nhà đầu tư dự án đô thị.

(3.1) Năng lực, kinh nghiệm thành công

(3.2) Năng lực triển khai dự án

4.3. Nhiệm vụ, giải pháp

(i) Xây dựng chiến lược phát triển đô thị thông minh của địa phương gắn với hiện đại hoá hạ tầng, xây dựng nền tảng quản lý đô thị số; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong điều hành, quản lý phục vụ người dân, doanh nghiệp, hướng tới chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

(ii) Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng, địa phương và quy hoạch tỉnh.

(iii) Xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, theo hướng hiện đại, tiếp cận các tiêu chuẩn đô thị xanh, đô thị văn minh đối với các đô thị trọng điểm. Đồng thời, tập trung nguồn lực để đầu tư các tuyến đường giao thông trọng yếu tại các đô thị, khu vực có lợi thế về thu hút đầu tư để khai thác quỹ đất

(hai bên đường) có hiệu quả, nhằm tái tạo nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(iv) Thu hút đầu tư các dự án phát triển đô thị kết hợp với phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, điều kiện tự nhiên của các đô thị để thúc đẩy phát triển du lịch, thương mại dịch vụ cho các đô thị.

(v) Quan tâm, ưu tiên bố trí ngân sách đền bù, giải phóng mặt bằng đầu tư hạ tầng đường giao thông mang tính khả thi cao để khai thác quỹ đất ở, thương mại - dịch vụ hai bên các tuyến đường.

(vi) Xây dựng tiêu chí minh bạch trong đấu giá, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phát triển nhà ở thương mại, đô thị.

II- ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Mục tiêu

(i) Đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh, góp phần quyết định đưa Khánh Hoà vào thập niên tăng trưởng 2 con số.

(ii) Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu hiện đại, phát triển đô thị thông minh tạo động lực và trở thành điểm tựa quan trọng thúc đẩy sự phát triển đồng bộ của nền kinh tế tỉnh Khánh Hòa, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang nền kinh tế thông minh.

(iii) Số hóa, chuyển đổi số toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; tập trung số hóa, chuyển đổi số toàn diện một số ngành trọng điểm như dịch vụ, du lịch, quản lý đô thị, quản lý đất đai, tài nguyên môi trường, giao thông; chú trọng hạ tầng kết nối hiện đại cho các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

(iv) Cộng đồng doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Định hướng

- Phát triển các công nghệ chiến lược của tỉnh để tập trung thu hút nguồn lực nghiên cứu: Công nghệ đại dương; nuôi trồng thủy sản; công nghệ số; trí tuệ nhân tạo AI, công nghệ sinh học; công nghệ liên quan năng lượng.

- Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, nền tảng ứng dụng cho chính quyền số hiện đại phục vụ cho tất cả người dân và doanh nghiệp tỉnh Khánh Hòa.

- Xây dựng các nền tảng quản trị đô thị thông minh, tích hợp nhiều công nghệ, nền tảng ứng dụng, dữ liệu để thực hiện việc quản lý đô thị như: Xây dựng, đất đai, tài nguyên môi trường, giao thông, nước... đến tận các xã/phường.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

(i) Hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy định về cấu trúc hệ thống hạ tầng số của tỉnh Khánh Hòa; ban hành danh mục công nghệ chiến lược của tỉnh; ban hành quyết định quy định về mô hình kỹ thuật công nghệ hạ tầng số của tỉnh Khánh Hòa; ban hành chiến lược dữ liệu và khung quản trị dữ liệu tỉnh Khánh Hòa đảm bảo an toàn, bảo mật, an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số đến năm 2030 tầm nhìn 2035 (cáp quang, 5G, IoT,..).

(ii) Tổ chức triển khai các nền tảng ứng dụng trọng tâm, cốt lõi của chính quyền số: Kho dữ liệu dùng chung, nền tảng số phục vụ quản lý công việc và điều hành, nền tảng số hóa dữ liệu, nền tảng ứng dụng tập trung phục vụ người dân (App Công dân số Khánh Hòa).

(iii) Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng theo tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị, hình thành các doanh nghiệp số để phát triển hạ tầng số.

(iv) Xây dựng và triển khai các chính sách để thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp khoa học công nghệ, cộng đồng doanh nghiệp tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm những lĩnh vực Khánh Hòa có lợi thế.

(v) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho mọi tầng lớp về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số", đào tạo kỹ năng số cho người dân để khai thác tối đa các dịch vụ số.

III- KHƠI THÔNG BA ĐIỂM NGHẼN, NÚT THẮT

1. Tập trung đầu tư, hoàn thiện đồng bộ hạ tầng chiến lược về hạ tầng số; hạ tầng giao thông; và hạ tầng phát triển khu công nghiệp

(i) Hạ tầng số: Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm 4 thành phần chính: (i) Hạ tầng viễn thông và Internet; (ii) Hạ tầng dữ liệu; (iii) Hạ tầng vật lý - số; (iv) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số.

Tập trung đầu tư phát triển công nghệ mới, nâng cấp hạ tầng viễn thông và hạ tầng dữ liệu hiện tại; triển khai ứng dụng công nghệ thông minh cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

(ii) Hạ tầng giao thông: Bám sát giải trình Trung ương phê duyệt và triển khai các dự án giao thông động lực mới: Sân bay Vân Phong; Cao tốc Nha Trang - Đà Lạt; Đường ven biển nối Cam Ranh đi Nam Khánh Hoà; Đường sắt cao tốc Bắc Nam qua các địa phận Khánh Hoà.

(iii) Hạ tầng khu công nghiệp: Đẩy nhanh hoàn thành điều chỉnh, tích hợp Quy hoạch phát triển tỉnh Khánh Hoà mới, trọng tâm trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt điều chỉnh tăng chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp để tập trung bố trí quỹ đất phát triển các khu công nghiệp. Bố trí vốn đầu tư các tuyến đường, hạ tầng tiếp giáp với khu công nghiệp tiềm năng.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển

(i) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác giáo dục đào tạo; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng gắn với nhu cầu xã hội; củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng, trường đại học trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu nguồn nhân lực ở những ngành nghề mới và ngành nghề cần bổ sung theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường hợp tác, xã hội hóa, đa dạng hóa liên kết đào tạo, thực hiện hiệu quả các chính sách đào tạo và thu hút nguồn nhân lực.

(ii) Đổi mới công tác giao nhiệm vụ, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện chức trách nhiệm vụ và thực hiện liên thông trong công tác cán bộ:

- Giao chỉ tiêu trọng tâm, nhiệm vụ đột phá hàng năm cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương, trên cơ sở đó các cấp giao nhiệm vụ đến từng cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai toàn diện đề án vị trí việc làm và bộ công cụ đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả công tác (KPI) đảm bảo thực chất, khách quan, minh bạch. Tăng cường kiểm tra trong đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

- Ban hành qui định bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Định kỳ hàng tháng đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân; hàng quí rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có kết quả nổi bật, đồng thời có hình thức kiểm điểm, ứng xử phù hợp đối với tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.

(iii) Thực hiện tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ. Kịp thời sắp xếp, điều chỉnh, phân công, bố trí lại cán bộ phù hợp với năng lực và kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ của cơ quan đơn vị và cá nhân.

(iv) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực sự tiêu biểu, có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển cao trong giai đoạn phát triển mới.

3. Tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý, tháo gỡ các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn

(i) Hoàn thành xử lý đối với 11 dự án tồn đọng theo Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý dứt điểm đối với các công trình, dự án trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại tỉnh Khánh Hoà.

(ii) Khẩn trương hoàn thành việc rà soát, đánh giá đúng thực trạng phân loại xử lý đối các công trình, dự án, vụ việc tồn đọng kéo dài. Trên cơ sở đó ban hành kế hoạch, phương án xử lý với quyết tâm chính trị cao nhất giải quyết hiệu quả đối với từng công trình, dự án theo tinh thần bảo đảm "6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền".

(iii) Định kỳ tổ chức họp rà soát, đánh giá kết quả thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương họp hàng tuần; Đảng uỷ UBND tỉnh họp hàng tháng; Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hàng quí.

IV- ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG

1. Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Rà soát, cơ cấu lại một số khoản chi bảo đảm hợp lý, cắt, giảm những nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết. Có các giải pháp mạnh để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng vốn đầu tư công cho các dự án phát triển.

2. Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Không chi đầu tư cho các công trình, dự án chưa làm rõ được tính hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội. Tập trung đầu tư các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc ngành, lĩnh vực ưu tiên. Các công trình, dự án có tính cấp thiết, hiệu quả, tạo hiệu ứng lan toả…

3. Bố trí vốn đầu tư kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với khu kinh tế, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phát triển hài hoà hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, hạ tầng kết nối các phương tiện vận tải, logicstics.

4. Đầu tư công dẫn dắt để thu hút tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác tham gia các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

5. Xây dựng định hướng và kế hoạch ngân sách đầu tư công năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030. Phấn đấu tổng số các dự án nguồn ngân sách địa phương giảm từ 25 - 30% so với nhiệm kỳ 2020 - 2025.

6. Tuân thủ thứ tự bố trí vốn theo quy định của pháp luật và định hướng của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, kiên quyến xóa bỏ "cơ chế xin cho".

C. PHẦN THỨ BA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ nội dung của Nghị quyết để thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo: (1) Xây dựng Chương trình hành động/hoặc kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. (2) Phối hợp với Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời thể chế hoá đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện.

3. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan tham mưu tổ chức quán triệt và tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị

quyết; định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để kịp thời chỉ đạo, giải quyết.

Nơi nhận:
- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (báo cáo),
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các vụ theo dõi địa bàn,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Tỉnh ủy Khánh Hòa
16-07-2025 15:30:49 +07:00

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

Nghiêm Xuân Thành